

Số: /BC-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2025

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân
trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025

Kính gửi: Kỳ họp thứ mười hai, Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La
khóa XV, nhiệm kỳ 2021 - 2026

Thực hiện Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin; Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 14/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh báo cáo kết quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025, như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Kết quả tuyên truyền, phổ biến nội dung của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP tới cán bộ, công chức, viên chức, tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp và nhân dân tại cơ quan, đơn vị, địa bàn quản lý

- Thực hiện Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13; Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23/01/2018 của Chính phủ về quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Tiếp cận thông tin, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố (*tính đến ngày 30/6/2025*) và UBND các xã, phường theo chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực quản lý thực hiện thông tin, tuyên truyền, phổ biến, quán triệt tới các cơ quan, đoàn thể, tổ chức và Nhân dân về Luật Tiếp cận thông tin và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn, thi hành. Quán triệt nguyên tắc tiếp cận thông tin là quyền của công dân, cơ quan nhà nước có trách nhiệm, nghĩa vụ bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân.

- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường đã kịp thời phổ biến, triển khai có hiệu quả Luật Tiếp cận thông tin tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động; cán bộ, chiến sỹ các lực lượng vũ trang và Nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh để nắm bắt và chấp hành đúng các quy định của Luật và các văn bản có liên quan. Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các xã, phường trong việc triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

- Về hình thức thực hiện quyền tiếp cận thông tin được thực hiện bằng các hình thức được Luật Tiếp cận thông tin quy định như: đăng tải trên Cổng thông tin điện tử, Trang thông tin điện tử của cơ quan nhà nước; công khai trên phương tiện thông tin đại chúng; đăng Công báo; niêm yết tại trụ sở cơ quan nhà nước và các địa điểm khác; thông qua việc tiếp công dân, họp báo, thông cáo báo chí, hoạt động của người phát ngôn của cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật và các hình thức khác thuận lợi cho công dân do cơ quan có trách nhiệm công khai thông tin xác định.

- Trong năm 2025, trên địa bàn toàn tỉnh đã tổ chức được 4.080 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật với tổng số 289.309 lượt người nghe; phát hành 28.042 tài liệu phục vụ công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, trong đó tài liệu đăng tải trên Internet là 936 tài liệu; tổ chức 02 cuộc thi tìm hiểu pháp luật với 43.440 lượt người dự thi.

2. Kết quả ban hành các văn bản chỉ đạo việc thực hiện các quy định của Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP theo thẩm quyền

Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo của Trung ương về triển khai thực hiện Luật Tiếp cận Thông tin, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật¹ và chỉ đạo Sở Tư pháp: (1) ban hành Văn bản đề nghị các cơ quan, đơn vị tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả việc triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin²; (2) ban hành Kế hoạch³ và tổ chức kiểm tra công tác phổ biến giáo dục pháp luật (*trong đó có việc thực hiện pháp luật về tiếp cận thông tin*) tại 02 sở (Sở Tài chính, Sở Nội vụ); 02 đơn vị cấp xã (*xã Chiềng Mung và xã Mường Chanh*).

Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các xã, phường đã ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin lồng ghép trong Kế hoạch công tác phổ biến giáo dục pháp luật của cơ quan, đơn vị, địa phương; ban hành văn bản chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin: (1) phổ biến, quán triệt rộng rãi tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, chiến sỹ lực lượng vũ trang và Nhân dân các quy định của Luật Tiếp cận thông tin; (2) thực hiện công khai thông tin theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin; (3) cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân, của các cơ quan, tổ chức khác; (4) bố trí đơn vị, bộ phận hoặc người làm đầu mối cung cấp thông tin; ...

¹ Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 09/01/2025 của UBND tỉnh về thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2025.

² Công văn số 1433/STP-THPBGDPL ngày 17/10/2025 của Sở Tư pháp về việc tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả việc triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin.

³ Quyết định số 101/QĐ-STP ngày 28/8/2025 của Sở Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch và thành lập Đoàn kiểm tra việc thực hiện công tác pháp chế và công tác tư pháp khác tại các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Kế hoạch số 108/KH-STP ngày 09/10/2025 của Sở Tư pháp về kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở năm 2025.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP

1. Kết quả chung

1.1. Về các thông tin được công khai

Trong năm 2025, qua hình thức công khai thông tin đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và UBND các xã, phường, Công báo tỉnh; đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương; Cổng/Trang thông tin điện tử của các cơ quan, đơn vị; niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị, địa phương, thông qua các Hội nghị, họp dân do cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức... các cấp chính quyền, các ngành trong tỉnh đã thực hiện công khai 31.061 thông tin với 101.923.665 lượt thông tin được khai thác.

Nội dung công khai bao gồm: (1) Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND tỉnh ban hành; (2) Các văn bản hành chính có giá trị áp dụng chung (*các Chương trình công tác, Kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ, báo cáo kết quả triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội tại địa phương, báo cáo thống kê, thông báo ý kiến kết luận của Thường trực tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các xã, phường; lịch công tác của Chủ tịch, phó Chủ tịch UBND tỉnh, các xã, phường; lãnh đạo các sở, ban, ngành...*); (3) Các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành để lấy ý kiến tham gia của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân. Công khai nội dung và kết quả trưng cầu ý dân, tiếp thu ý kiến của Nhân dân đối với những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan Nhà nước đưa ra lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật (*các dự thảo kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; phương án chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu sản xuất; đề án định canh, định cư, và phương án phát triển ngành nghề; dự thảo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chi tiết và phương án điều chỉnh; việc quản lý, sử dụng quỹ đất; chủ trương, phương án đền bù, hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng, tái định cư; phương án quy hoạch khu dân cư; dự thảo đề án thành lập mới, nhập, chia đơn vị hành chính, điều chỉnh địa giới hành chính ...*); (4) Chiến lược, Chương trình, Dự án, Đề án, Kế hoạch, Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương; quy hoạch ngành, lĩnh vực và phương thức, kết quả thực hiện; chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan nhà nước trên các phương tiện thông tin đại chúng; Cổng/Trang thông tin điện tử của tỉnh; các Sở, ban, ngành và UBND các xã, phường; (5) Các thông tin về hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; thông tin về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có tác động tiêu cực đến sức khỏe, môi trường; kết luận kiểm tra, giám sát liên quan đến việc bảo vệ môi trường, sức khỏe cộng đồng, an toàn thực phẩm, an toàn lao động trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của UBND tỉnh, UBND cấp xã và Trang Thông tin điện tử của các sở, ban, ngành và thông qua các phương tiện thông tin đại chúng; (6) Dự toán ngân sách nhà nước, báo cáo tình hình thực hiện, quyết toán ngân sách đối với các Chương trình, Dự án đầu tư xây dựng cơ bản sử dụng vốn ngân sách nhà nước; việc phân bổ, quản lý, sử dụng

nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức và nguồn viện trợ phi chính phủ theo quy định thông qua các báo cáo tình hình thực hiện ngân sách, quyết toán ngân sách địa phương và thực hiện công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh; (7) Thông tin về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của cơ quan và của đơn vị trực thuộc; nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ, công chức trực tiếp giải quyết các công việc liên quan đến người dân; nội quy, quy chế của cơ quan, đơn vị, địa phương; báo cáo công tác định kỳ; báo cáo tài chính năm; thông tin thống kê về ngành, lĩnh vực quản lý; thông tin về cơ sở dữ liệu quốc gia thuộc ngành, lĩnh vực quản lý; việc tuyển dụng, sử dụng, quản lý cán bộ, công chức, viên chức; thông tin về danh mục và kết quả Chương trình, Đề tài khoa học; tên, địa chỉ, số điện thoại, số fax, địa chỉ thư điện tử của cơ quan nhà nước hoặc người làm đầu mối tiếp nhận yêu cầu cung cấp thông tin; (8) Thông tin về thuế, phí, lệ phí...

Ngoài ra, các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường đã thực hiện công khai thông tin khác phải được công khai theo quy định của pháp luật.

1.2. Việc cung cấp thông tin theo yêu cầu, cung cấp thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện

a) Cung cấp thông tin theo yêu cầu: Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường thực hiện đúng quy định của pháp luật trong việc cung cấp thông tin theo yêu cầu của công dân; không thực hiện cung cấp thông tin đối với thông tin công dân không được tiếp cận (*theo quy định tại Điều 6 của Luật Tiếp cận thông tin*); thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật đối với thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (*theo quy định tại Điều 7 của Luật Tiếp cận thông tin*). Kết quả cung cấp thông tin năm 2025 cụ thể như sau:

- Đã tiếp nhận: 2.238 yêu cầu cung cấp thông tin.
- Đã được giải quyết: 2.238 yêu cầu cung cấp thông tin.
- Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin bị từ chối: Không.

b) Đính chính, sửa đổi, bổ sung thông tin: Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường thường xuyên kiểm tra, rà soát, đối chiếu các thông tin đã được cung cấp công khai; kịp thời bổ sung, đính chính đối với những thông tin đã được công khai không chính xác hoặc không đầy đủ. Trong năm 2025, không có thông tin phải đính chính, sửa đổi, bổ sung.

1.3. Về việc bảo đảm điều kiện cơ sở vật chất phục vụ công tác tiếp cận thông tin

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện, bố trí nguồn lực để thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cung cấp, công khai, lưu giữ thông tin; bố trí nơi tiếp nhận và giải quyết yêu cầu cung cấp thông tin. Bên cạnh đó đảm bảo trang bị phương tiện kỹ thuật, công nghệ thông tin; niêm yết, công khai thông tin tới từng cơ sở tổ, bản; tăng cường cung cấp thông tin trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là loa truyền thanh ở cơ sở trong việc cung cấp thông tin cho người dân, đặc biệt chú trọng người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới.

- Trang bị đầy đủ cơ sở vật chất như: phòng tiếp công dân, bàn ghế, máy tính kết nối internet, máy in, máy scan, máy phô-tô... để phục vụ cho việc tiếp công dân và cung cấp thông tin cho công dân.

1.4. Về việc bố trí cán bộ đầu mối, nguồn nhân lực bảo đảm phục vụ công tác tiếp cận thông tin; lập sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu

- Hầu hết các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh đã ban hành và công bố công khai quy chế nội bộ theo quy định, đảm bảo nguồn nhân lực phục vụ công tác tiếp cận thông tin. Đối với các xã, phường sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đang tiếp tục triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật Tiếp cận thông tin.

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương giao Văn phòng là đầu mối cung cấp thông tin, đảm bảo hoạt động cung cấp thông tin được kịp thời, thuận lợi, chính xác và kiểm soát chặt chẽ nguồn thông tin trước khi công khai hoặc cung cấp cho công dân, lập sổ theo dõi cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng quy định.

1.5. Về việc ban hành và công bố công khai Quy chế nội bộ về tổ chức cung cấp thông tin

Qua theo dõi, các sở, ban, ngành đã xây dựng Quy chế nội bộ để thực hiện việc cung cấp thông tin theo quy định của Luật và công khai trên Cổng/Trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị, địa phương. Đồng thời, giao Sở Tư pháp tham mưu ban hành Công văn hướng dẫn các xã, phường tiếp tục tăng cường và nâng cao hiệu quả việc triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, đáp ứng yêu cầu của mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

1.6. Về việc vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin

- Việc vận hành Cổng/Trang thông tin điện tử phục vụ công tác tiếp cận thông tin được các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh quan tâm chỉ đạo và triển khai thực hiện. UBND tỉnh tập trung công khai các thông tin, hoạt động của UBND tỉnh; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh. Lãnh đạo các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường; công khai văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực chuyên ngành của các sở, ban, ngành; các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương ban hành. Cổng thông tin điện tử của tỉnh thực hiện tích hợp đầy đủ các thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các văn bản quy phạm pháp luật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật; cập nhật đầy đủ thủ tục hành chính vào cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính; tích hợp các cơ sở dữ liệu quốc gia trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

- Hiện nay, hầu hết các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh đều đã áp dụng hệ thống phần mềm điện tử VNPT-iOffice để chỉ đạo, điều hành, quản lý hồ sơ giải quyết công việc chuyên môn, đồng thời xây dựng và vận hành các Cổng/Trang thông tin điện tử của từng ngành, địa phương với thiết kế, giao diện phù hợp, đảm bảo bao quát các lĩnh vực chuyên môn; các cơ quan, đơn vị đã thiết lập các chuyên mục như: “*Lấy ý kiến nhân dân về Dự thảo*”, “*Văn bản quy phạm pháp luật*”, “*Thông tin cải cách hành chính*”, “*Văn bản quy phạm*

pháp luật”, “Văn bản chỉ đạo điều hành”, “Thông tin tuyên truyền phổ biến pháp luật”, “Thông tin chế độ chính sách mới”, “Thông tin cải cách hành chính”, “Công báo”, “Thông báo”, “Chuyên mục Hỏi đáp”, “Tiếp cận thông tin”... để tăng cường hoạt động tương tác, trao đổi thông tin giữa cơ quan, đơn vị với người dân và doanh nghiệp, kịp thời đáp ứng nhu cầu tiếp cận thông tin của Nhân dân.

1.7. Về việc lập, cập nhật Danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện

- Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường thường xuyên rà soát, phân loại, lập danh mục thông tin phải được công khai và Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện; xây dựng, vận hành, duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cung cấp.

- Trên cơ sở tổng hợp báo cáo, đa số các Sở đã xây dựng Chuyên mục về tiếp cận thông tin trên Cổng/Trang thông tin điện tử; cập nhật, công khai danh mục thông tin phải công khai theo Điều 17 Luật tiếp cận thông tin, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện theo Điều 7 Luật tiếp cận thông tin và đăng tải trên Cổng/Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị⁴. Đối với các xã, phường sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp đang tiếp tục rà soát, ban hành theo quy định.

1.8. Về việc thực hiện các biện pháp tạo điều kiện thuận lợi để người khuyết tật; người sinh sống ở khu vực biên giới, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thực hiện quyền tiếp cận thông tin

- UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 10/01/2025 về thực hiện thực hiện công tác Trợ giúp pháp lý năm 2025; trong đó có nội dung về thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý đối với người cao tuổi, người cao tuổi có khó khăn về tài chính trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2022 - 2030; Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt Quyết định số 74/QĐ-UBND ngày 10/01/2025 về ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người khuyết tật thuộc diện được trợ giúp pháp lý năm 2025. Bảo đảm 100% người khuyết tật có khó khăn về tài chính được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu...

- Việc cung cấp thông tin cho người khuyết tật; đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được thực hiện bằng nhiều hình thức phù hợp với từng đối tượng và điều kiện thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương như: (1) thông qua Cổng/Trang thông tin điện tử (*hiện nay, Trang Thông tin điện tử Văn phòng UBND tỉnh đã có chức năng hỗ trợ cho người khiếm thính*); thông qua hệ thống loa truyền thanh ở cơ sở; (2) các chương trình phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương; tổ chức tuyên truyền phổ biến

⁴ Đã xây dựng và công khai danh mục như: Văn phòng UBND tỉnh; Sở Dân tộc và Tôn giáo; Sở Tư pháp; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giao thông vận tải; Sở Xây dựng; Sở Nội vụ; Sở Công Thương; Sở Nông nghiệp và Môi trường; Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch; Sở Khoa học và Công nghệ.

giáo dục pháp luật cho các đối tượng đặc thù; (3) thực hiện chuẩn tiếp cận pháp luật cho người dân ở cơ sở (*trong đó có người khuyết tật; đồng bào dân tộc thiểu số*). Các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng các tài liệu tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật; tờ rơi, tờ gấp pháp luật (*trong đó có tài liệu bằng tiếng dân tộc*) để tuyên truyền, phổ biến cho đồng bào dân tộc thiểu số vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; cho người khuyết tật; lồng ghép hoạt động cung cấp thông tin trong các sự kiện văn hóa - chính trị của tỉnh, trong các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, các chính sách mới cho Nhân dân; thông qua các hoạt động trợ giúp pháp lý, tư vấn pháp luật, hòa giải ở cơ sở... Thông tin về cơ chế, chính sách liên quan trực tiếp tới đời sống, sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh của người dân được kịp thời công bố, công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên Cổng/Trang thông tin điện tử và thông qua các hoạt động truyền thông, tuyên truyền, phổ biến chính sách và pháp luật. Thông qua các hoạt động công khai thông tin, cung cấp thông tin, tuyên truyền, phổ biến pháp luật đã kịp thời phổ biến, thông tin tình hình phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và của tỉnh cho người khuyết tật, đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống ở khu vực biên giới, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; giúp người dân nâng cao nhận thức, kịp thời nắm bắt thông tin và các quy định của pháp luật; đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của mình khi tham gia các quan hệ xã hội.

1.9. Về chi phí tiếp cận thông tin

Chỉ đạo các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường thực hiện việc tuân thủ quy định về chi phí tiếp cận thông tin theo Luật tiếp cận thông tin năm 2016 và Thông tư số 46/2018/TT-BTC ngày 14/5/2018 của Bộ Tài chính quy định chi tiết chi phí thực tế để in, sao, chụp và gửi thông tin theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Luật Tiếp cận thông tin.

1.10. Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện tiếp cận thông tin, số lượng khiếu nại, tố cáo, khởi kiện và kết quả giải quyết và việc xử lý vi phạm

Trong năm 2025, tỉnh Sơn La không có trường hợp khởi kiện, khiếu nại, tố cáo nào đối với cơ quan Nhà nước, người có trách nhiệm cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Kết quả cung cấp thông tin

Trong năm 2025, các sở, ban, ngành của tỉnh và UBND các xã, phường đã thực hiện công khai và cung cấp thông tin như sau:

2.1. Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin nhận được: 2.238 thông tin, trong đó:

a) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại Luật Tiếp cận thông tin: 2.094 thông tin.

b) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin theo quy định tại các luật khác: 144 thông tin.

c) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin thông qua tổ chức, đoàn thể, doanh nghiệp: 0

d) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin của người nước ngoài: 0

đ) Hình thức yêu cầu cung cấp thông tin

- Trực tiếp tại trụ sở: 2.094 thông tin.

- Gửi Phiếu yêu cầu qua mạng điện tử, dịch vụ bưu chính, fax đến cơ quan cung cấp thông tin: 144 thông tin.

e) Số lượng yêu cầu cung cấp thông tin hợp lệ: 2.238 thông tin.

g) Số lượng yêu cầu bị từ chối cung cấp thông tin: 0

2.2. Số lượng cung cấp thông tin theo yêu cầu: 2.238 thông tin, trong đó:

a) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực đất đai: 111 thông tin.

b) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực y tế: 28 thông tin.

c) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực giáo dục: 18 thông tin.

d) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực xây dựng, nhà ở: 76 thông tin.

đ) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực đầu tư, kinh doanh: 67 thông tin.

e) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài chính, ngân sách: 69 thông tin.

g) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường: 15 thông tin.

h) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực khoa học và công nghệ: 08 thông tin.

i) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực tư pháp: 04 thông tin.

k) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực nội vụ: 1.811 thông tin.

l) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực Bảo hiểm xã hội: 26 thông tin.

m) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực Giao thông vận tải: 0

n) Số lượng cung cấp thông tin trong lĩnh vực khác: 05 thông tin.

III. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT TIẾP CẬN THÔNG TIN, NGHỊ ĐỊNH SỐ 13/2018/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

1. Đánh giá chung

- Công tác triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP trên địa bàn tỉnh Sơn La đã đạt được nhiều kết quả tích cực: Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật được tăng cường, góp phần nâng cao nhận thức của Nhân dân về quyền con người, quyền công dân, quyền được tiếp cận thông tin của công dân được quy định trong Hiến pháp năm 2013 và các văn bản Luật cụ thể hóa Hiến pháp. Thông qua công tác công khai, minh bạch thông tin

giúp cho các nhà đầu tư, doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh nắm vững chủ trương, chính sách của Nhà nước và của tỉnh về hỗ trợ doanh nghiệp, thu hút đầu tư, tạo điều kiện cho doanh nghiệp và các nhà đầu tư khi thực hiện thủ tục hành chính được thuận lợi, nhanh gọn, giảm thiểu chi phí kinh doanh và các rủi ro khi đầu tư, từ đó thu hút đầu tư và tạo việc làm cho lao động của tỉnh; doanh nghiệp và người dân không phải mất nhiều thời gian cho việc tìm kiếm văn bản, thông tin...; giảm rủi ro cho hoạt động sản xuất, kinh doanh; giảm các hành vi vi phạm pháp luật và khiếu nại, khiếu kiện... Việc công khai, cung cấp thông tin kịp thời đã giúp người dân giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra, chủ động ứng phó với biến đổi thời tiết và biến đổi khí hậu; góp phần phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.

- Việc bảo đảm quyền tiếp cận thông tin của công dân đã giúp cho công tác quản lý nhà nước của các sở, ban, ngành; UBND các xã, phường có hiệu lực và nâng cao hiệu quả, tăng cường trách nhiệm trong thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bên cạnh đó, trên cơ sở được tiếp cận thông tin, người dân đã kịp thời kiến nghị với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để hoàn thiện cơ chế, chính sách, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Thông qua quyền được tiếp cận thông tin đã giúp người dân nâng cao hiểu biết và nhận thức, tự giác chấp hành pháp luật.

2. Thuận lợi

Công tác triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ được cấp ủy, chính quyền các cấp quan tâm chỉ đạo sát sao và tổ chức triển khai thực hiện Luật đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế địa phương; có sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành; cơ sở hạ tầng cung cấp, kết nối thông tin thường xuyên được đầu tư, nâng cấp; đội ngũ công chức, viên chức trách nhiệm, tận tâm với công việc. Công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước được đẩy mạnh với nhiều hình thức đổi mới, phong phú, đa dạng... tạo nền tảng để nâng cao chất lượng, hiệu quả của việc cung cấp thông tin của nhà nước, góp phần đảm bảo quyền được tiếp cận thông tin của Nhân dân.

3. Tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Việc công khai thông tin có lúc, có nơi chưa thực hiện đầy đủ; một số thông tin cần phải công khai chưa được các cơ quan nhà nước công khai hoặc công khai chưa kịp thời. Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin ở một số nơi vẫn chưa thúc đẩy đáp ứng được yêu cầu trong điều kiện hiện nay.

- Sau khi triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, một số công chức cấp xã phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, trong khi Luật Tiếp cận thông tin yêu cầu rõ ràng về tiêu chuẩn, điều kiện của cán bộ đầu mối thực hiện nhiệm vụ này, do đó việc tiếp nhận, xử lý, cung cấp thông tin có việc còn chậm và lúng túng.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin của một bộ phận người dân, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn hạn chế. Nhu cầu tiếp cận thông tin chưa cao, chủ yếu thông qua hình thức truyền thống, ảnh hưởng đến hiệu quả thực hiện Luật Tiếp cận thông tin ở cơ sở.

4. Nguyên nhân của những tồn tại, hạn chế; khó khăn, vướng mắc

- Cán bộ, công chức, viên chức được giao làm đầu mối cung cấp thông tin của các cơ quan, đơn vị, địa phương chủ yếu là kiêm nhiệm, trong khi khối lượng công việc lớn, phạm vi các thông tin cung cấp rộng.

- Kinh phí cho việc đảm bảo quyền tiếp cận thông tin cho công dân; cơ sở vật chất, phương tiện, nguồn lực để thực hiện việc cung cấp, công khai, lưu giữ thông tin còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin của cán bộ, công chức và Nhân dân có nơi còn hạn chế.

IV. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2026

1. Nhiệm vụ trọng tâm

1.1. Tiếp tục tập trung chỉ đạo triển khai thực hiện Luật Tiếp cận thông tin, Nghị định số 13/2018/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn thi hành; tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Quyết định số 2405/QĐ-UBND ngày 11/10/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tiếp cận thông tin.

1.2. Tiếp tục theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn việc triển khai thực hiện cung cấp thông tin theo từng lĩnh vực của các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo chính xác, sát với yêu cầu thực tế.

1.3. Chỉ đạo các ngành, địa phương rà soát, phân loại, lập danh mục các thông tin phải được công khai và thông tin không được công khai; xây dựng, vận hành cơ sở dữ liệu thông tin mà cơ quan có trách nhiệm cung cấp, không cung cấp; duy trì, lưu giữ, cập nhật cơ sở dữ liệu thông tin.

1.4. Quan tâm bố trí nguồn lực, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động cung cấp thông tin pháp luật cho nhân dân nói chung và cho người khuyết tật.

2. Giải pháp thực hiện

2.1. Đề cao trách nhiệm người đứng đầu, trách nhiệm của cơ quan, đơn vị địa phương trong việc công khai, cung cấp thông tin theo quy định; phát huy vai trò của các cơ quan thông tin đại chúng, hệ thống truyền thanh ở cơ sở trong việc cung cấp thông tin cho người dân ở vùng sâu, vùng xa, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, người khuyết tật.

2.2. Tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang bị phương tiện, bố trí nguồn lực đáp ứng yêu cầu để thực hiện đầy đủ, kịp thời việc cung cấp, công khai, lưu giữ thông tin.

2.3. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường rà soát, sửa đổi, bãi bỏ các quy định của pháp luật, các thủ tục hành chính không phù hợp, các giấy tờ không cần thiết; tăng cường công khai, minh bạch thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước nhất là các lĩnh vực được người dân quan tâm nhiều như đất đai, xây dựng, đầu tư, kinh doanh, tổ chức cán bộ, ngân sách ...

2.4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho đội ngũ được cử làm đầu mối cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời ngăn chặn, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện công khai, cung cấp thông tin nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

2.5. Tăng cường công tác phổ biến giáo dục pháp luật, ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao nhận thức về quyền tiếp cận thông tin của công dân. Tích cực tuyên truyền, hướng dẫn người dân vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số việc tiếp cận thông tin trên môi trường điện tử, trên Cổng/Trang thông tin điện tử; cung cấp thông tin trên các trang mạng xã hội Facebook, Zalo... đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của người dân.

2.6. Thường xuyên đánh giá hiệu quả của hoạt động công khai, cung cấp thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương; mức độ tiếp cận thông tin của người dân và doanh nghiệp thông qua các hoạt động kiểm tra, khảo sát nhằm đánh giá đúng, thực chất việc thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Để tiếp tục triển khai có hiệu quả quyền tiếp cận thông tin của công dân, UBND tỉnh Sơn La đề xuất, kiến nghị với HĐND tỉnh: tiếp tục quan tâm chỉ đạo, phát huy các kết quả đã đạt được trong thực hiện Luật tiếp cận thông tin.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện quyền tiếp cận thông tin của công dân trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025. UBND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ Tư pháp;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ban Pháp chế HĐND tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- LĐ Văn phòng UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Lưu: VT, NC, D.Thanh.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đặng Ngọc Hậu